



## HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,  
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498  
Fax: +84.28 6298 3490  
Website: [www.vietfood.org.vn](http://www.vietfood.org.vn) Email: [info@vietfood.org.vn](mailto:info@vietfood.org.vn)

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2025

### BẢN TIN SỐ 1516

(Lưu hành nội bộ)

# BẢN TIN TRONG TUẦN

(TỪ NGÀY 29/07/2025 ĐẾN NGÀY 04/08/2025)

## AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

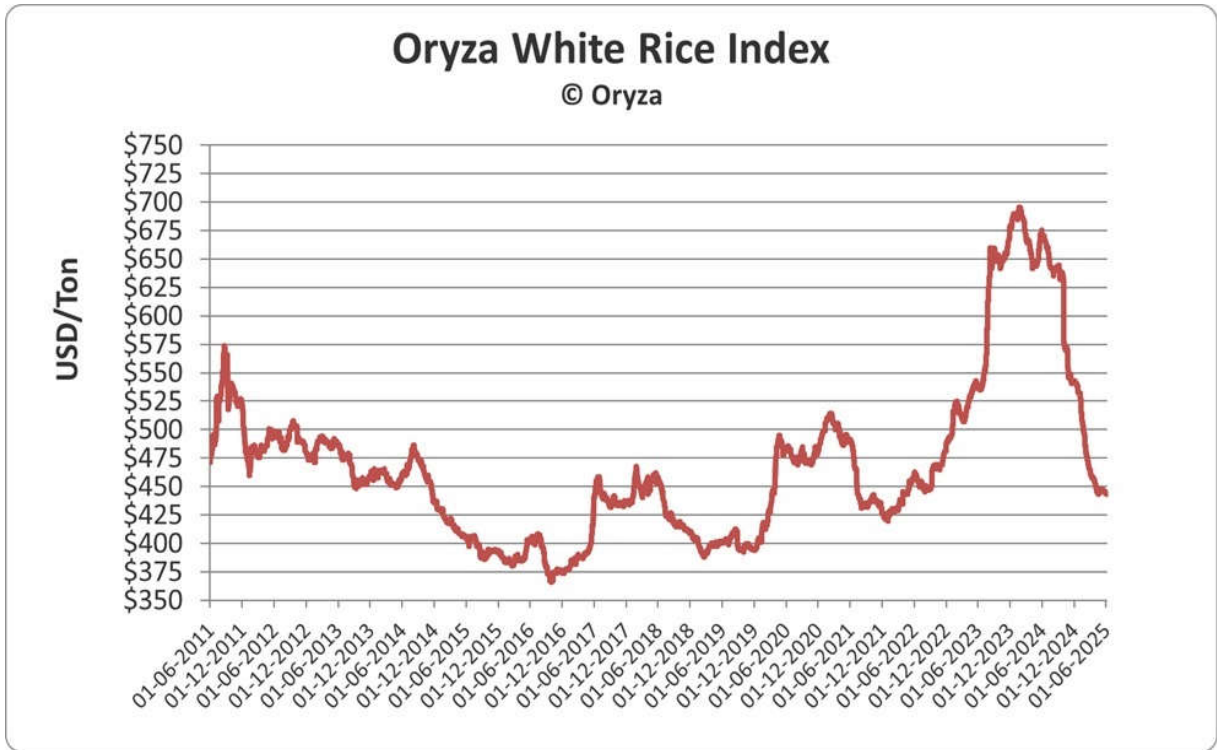
### I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

**Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	29 – 07		30 – 07		31 – 07		01 – 08	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	385	389	385	389	385	389	385	389
	5% tấm	375	379	375	379	375	379	375	379
	25% tấm	358	362	358	362	358	362	358	362
	Hom Mali 92%	1026	1030	1023	1027	1026	1030	1023	1027
	Gạo đỏ 100% Stxd	380	384	380	384	380	384	380	384
	A1 Super	341	345	336	340	341	345	336	340
VIỆT NAM	5% tấm	382	386	385	389	382	386	385	389
	25% tấm	358	362	362	366	358	362	362	366
	Jasmine	555	559	555	559	555	559	555	559
	100% tấm	325	329	325	329	325	329	325	329
ẤN ĐỘ	5% tấm	377	381	377	381	377	381	377	381
	25% tấm	362	366	362	366	362	366	362	366
	Gạo đỏ 5% Stxd	377	381	377	381	377	381	377	381
	100% tấm Stxd	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
PAKISTAN	5% tấm	376	380	373	377	376	380	373	377
	25% tấm	351	355	351	355	351	355	351	355
	100% tấm Stxd	317	321	317	321	317	321	317	321
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	365	369	365	369	365	369	365	369
MỸ	4% tấm	650	654	650	654	650	654	650	654
	15% tấm (Sacked)	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
	Gạo đỏ 4% tấm	935	939	935	939	935	939	935	939
	Calrose 4%	786	790	786	790	786	790	786	790

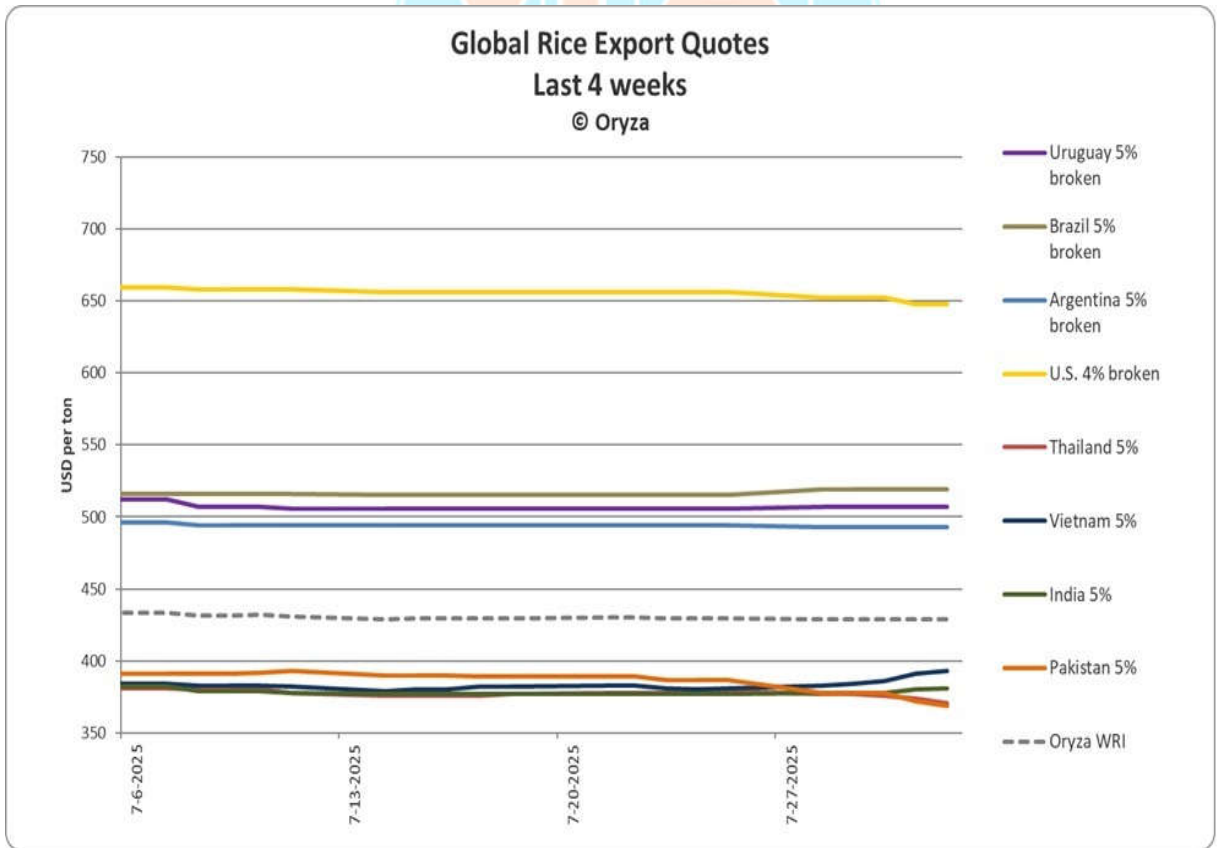
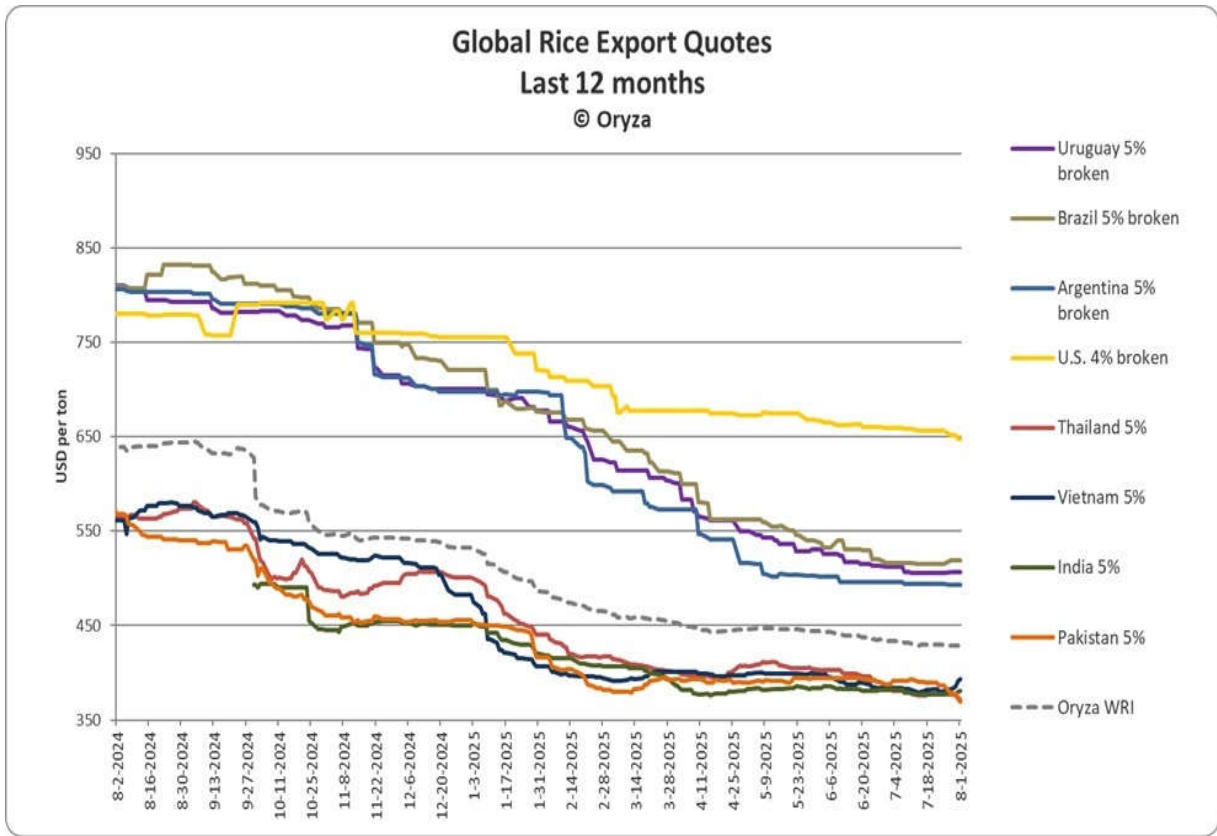
## II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

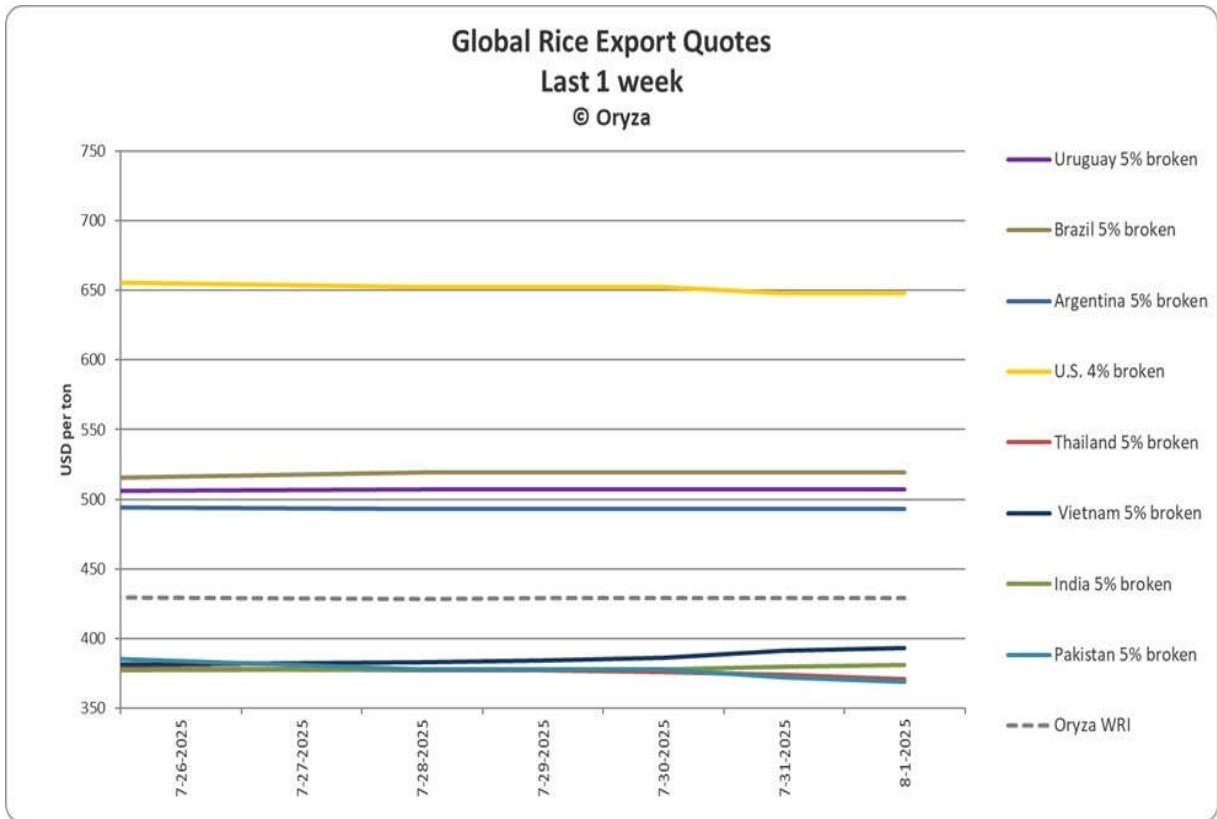
### \*Tổng quan thị trường:



Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 429 USD/tấn, giảm 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm 5 USD/tấn so với tháng trước và giảm 212 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







### Philippines

Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines đề xuất hạn chế nhập khẩu gạo ở mức 750.000 đến 1 triệu tấn mỗi năm - đủ để bù đắp thiếu hụt nguồn cung của quốc gia và duy trì mức dự trữ 2-3 tháng - với lý do lo ngại rằng việc nhập khẩu quá mức đang gây hại cho các nhà sản xuất trong nước, theo Bloomberg đưa tin. Ông cũng ủng hộ việc sửa đổi Luật Thuế quan Gạo đồng thời cảnh báo rằng sự thống trị ngày càng tăng của gạo nhập khẩu đang làm xói mòn thị phần của nông dân và các nhà máy xay xát trong nước, có khả năng buộc họ phải ngừng kinh doanh.

Tổ chức Lương Nông Liên hiệp quốc (FAO) đã công bố báo cáo GIEWS mới nhất cho Philippines. FAO ước tính sản lượng lúa năm 2024 của Philippines đạt 19,52 triệu tấn, giảm so với mức ước tính 19,564 triệu tấn năm 2023 và giảm so với mức trung bình 5 năm là 19,628 triệu tấn. Vụ lúa chính năm 2025 đã bắt đầu vào tháng 4 và dự kiến kết thúc vào tháng 9. Vụ lúa thứ hai năm 2025 sẽ bắt đầu vào tháng 10 năm 2025 và vụ thu hoạch sẽ bắt đầu vào đầu năm 2026. FAO dự báo lượng gạo nhập khẩu của Philippines năm 2025 là 4,8 triệu tấn, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước. Giá gạo nội địa đạt mức kỷ lục vào tháng 3 năm 2024. Kể từ tháng 5 năm 2024, giá gạo liên tục giảm, giảm khoảng 10% trong năm tháng đầu năm 2025. Tính đến tháng 5 năm 2025, giá gạo đã giảm 10–15% so với cùng kỳ năm trước.

## Bangladesh

Mặc dù ghi nhận sản lượng thu hoạch vụ Boro lớn nhất từ trước đến nay và nhập khẩu 1,305 triệu tấn gạo trong năm tài chính 2025, Bangladesh đang phải đối mặt với giá gạo tăng vọt - lên tới 16% so với cùng kỳ năm trước - do gián đoạn chuỗi cung ứng, tình trạng tích trữ đầu cơ của các thương nhân và nhà máy xay xát, và chi phí đầu vào tăng cao. Theo Tổng công ty Thương mại Bangladesh, giá gạo loại tốt và loại trung bình đã tăng hơn 15%, trong khi gạo loại thô tăng hơn 10%. Các nhà phân tích cảnh báo rằng với việc các thương nhân nắm giữ hơn 10 triệu tấn - vượt xa lượng dự trữ 1,4 triệu tấn của chính phủ - thì khả năng thao túng thị trường là rất cao. Chỉ riêng gạo đã đóng góp 50% vào lạm phát lương thực trong tháng 6, làm dấy lên lo ngại rằng việc quản lý yếu kém đang làm gia tăng gánh nặng tài chính cho các hộ gia đình có thu nhập thấp.

## Indonesia

Báo cáo mới nhất của FAO về Indonesia dự báo sản lượng lúa năm 2025 sẽ phục hồi lên 55,6 triệu tấn, cao hơn mức trung bình một chút, nhờ lượng mưa thuận lợi, hệ thống thủy lợi tốt và sự hỗ trợ của chính phủ mặc dù có một số thiệt hại nhỏ do lũ lụt. Vụ thu hoạch đầu tiên đã hoàn thành vào tháng 3, vụ thứ hai đang phát triển tốt và vụ thứ ba dự kiến trong tháng 8. Điều này diễn ra sau khi sản lượng năm 2024 thấp hơn mức trung bình là 53,1 triệu tấn do hạn hán liên quan đến El Niño. Nhập khẩu gạo năm 2025 dự kiến sẽ giảm mạnh 80% xuống còn 1 triệu tấn.

Để kiềm chế giá lương thực tăng cao, Indonesia đã tái khởi động chương trình Cung ứng và Bình ổn Giá Lương thực (SPHP), phân phối 1,3 triệu tấn gạo thông qua Perum Bulog từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2025, theo Independent Observer. Tại sự kiện Phong trào Thực phẩm Giá rẻ gần đây ở Jakarta, gạo SPHP được bán với giá 62.500 Rp (3,8 đô la) cho mỗi gói 5 kg, với hạn mức mua tối đa là 10 kg cho mỗi người mua. Động thái này nhằm mục đích ổn định giá cả trong bối cảnh giá gạo chất lượng trung bình liên tục tăng, bất chấp lượng gạo dự trữ của chính phủ lên tới 3,7 triệu tấn.

USDA Post đã công bố bảng cân đối kế toán gạo mới nhất của Indonesia. Niên vụ 2025/26 (tháng 1-tháng 12 năm 2026) dự kiến đạt 11,2 triệu ha, giảm so với mức 11,4 triệu ha của niên vụ 2024/25. Sản lượng gạo xay xát niên vụ 2025/26 dự kiến sẽ ổn định ở mức dự báo chính thức của USDA là 33,6 triệu tấn. Lượng tiêu thụ gạo niên vụ 2025/26 dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống còn 35,3 triệu tấn so với mức 35,5 triệu tấn của niên vụ trước. Lượng gạo nhập khẩu năm 2025/26 dự kiến đạt 800.000 tấn, tăng so với mức ước tính 700.000 tấn trong năm 2024/25. Lượng gạo tồn kho cuối năm

2025/26 dự kiến giảm xuống còn 4,57 triệu tấn so với mức ước tính 5,47 triệu tấn trong năm 2024/25.

### Hàn Quốc

Hoa Kỳ và Hàn Quốc đã đạt được thỏa thuận thương mại mới, theo đó giảm thuế đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt như ô tô và chất bán dẫn xuống còn 15%, từ mức dự kiến là 25%, trong khi vẫn duy trì mức thuế 50% đối với thép và nhôm. Đổi lại, Hàn Quốc sẽ đầu tư 350 tỷ đô la vào Hoa Kỳ, bao gồm 150 tỷ đô la cho ngành đóng tàu nhằm tăng cường sức mạnh hải quân Hoa Kỳ. Thỏa thuận này, được công bố ngay trước thời hạn áp thuế ngày 1 tháng 8 của Tổng thống Hoa Kỳ, đã được Hàn Quốc ca ngợi vì đã duy trì các biện pháp bảo hộ thương mại quan trọng, chẳng hạn như hạn chế nhập khẩu gạo và thịt bò của Hoa Kỳ. Trong khi Tổng thống Hoa Kỳ ca ngợi thỏa thuận này là một chiến thắng cho ngành sản xuất và việc làm của Hoa Kỳ, những người chỉ trích cảnh báo rằng nó có thể dẫn đến giá tiêu dùng tăng cao. Các cuộc đàm phán về tài trợ cho quân đội Hoa Kỳ tại Hàn Quốc sẽ được ấn định vào cuối tháng này.

Tập đoàn Thương mại Nông-Thủy sản và Thực phẩm (KAFTC) đã phát hành một gói thầu quốc tế để mua khoảng 45.200 tấn gạo từ Việt Nam và Thái Lan. Theo trang web của KAFTC, thời hạn nộp giá được ấn định là 3:00 chiều KST ngày 7 tháng 8 năm 2025, với phiên đấu thầu điện tử dự kiến diễn ra từ 9:30 đến 11:30 sáng KST ngày 8 tháng 8 năm 2025.

### Châu Phi

FAO đã cam kết tài trợ 1,2 triệu USD để số hóa hoạt động sản xuất lúa gạo của **Bờ Biển Ngà**, nhằm mục đích tăng năng suất và giảm tổn thất sau thu hoạch. Sáng kiến này sẽ hỗ trợ việc tổ chức sản xuất tốt hơn, giám sát năng suất theo thời gian thực, tiếp cận dữ liệu khí hậu và kết nối thị trường, đồng thời giới thiệu các công cụ định vị địa lý và tự động hóa trên toàn bộ chuỗi giá trị lúa gạo. Với việc lúa gạo là lương thực chính của quốc gia này và sản lượng hiện tại (1,55 triệu tấn vào năm 2024) đang thấp hơn nhiều so với nhu cầu (2,5–2,8 triệu tấn), nỗ lực số hóa này nhằm thu hẹp chênh lệch giữa sản lượng với nhu cầu và củng cố an ninh lương thực.

## III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

### Ấn Độ

Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ hiện được báo giá khoảng 381 USD/tấn, tăng khoảng 4 USD/tấn so với tuần trước và giảm khoảng 1 USD/tấn so với tháng trước.

Tính đến ngày 25 tháng 7 năm 2025, diện tích trồng lúa Kharif ở Ấn Độ đã tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 21,616 triệu ha, nhờ lượng mưa cao hơn bình thường và mực nước hồ chứa dồi dào. Mặc dù Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD) báo cáo lượng mưa gió mùa nhìn chung vượt 8%, nhưng sự chênh lệch giữa các vùng vẫn tiếp diễn—Bihar thiếu hụt 43%, trong khi Rajasthan dư thừa 92%. Mặc dù lượng mưa không đồng đều, lượng nước dự trữ vẫn dồi dào, hỗ trợ tiến độ gieo trồng trong giai đoạn quan trọng từ tháng 7 đến tháng 8. Với 60% diện tích lúa thông thường đã được gieo và IMD dự báo lượng mưa gió mùa trung bình dài hạn đạt 106%, điều kiện dường như thuận lợi cho vụ Kharif, có khả năng củng cố an ninh lương thực và giảm bớt áp lực về nguồn cung.

Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo cho biết hôm thứ Năm rằng mức thuế 25% mà Hoa Kỳ áp đặt đối với hàng hóa Ấn Độ, bao gồm gạo, sẽ chỉ là một "rào cản tạm thời" chứ không phải là một sự gián đoạn lớn, theo NDTV Profit đưa tin. Mức thuế mới, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8, sẽ ảnh hưởng đến khoảng 234.000 tấn gạo xuất khẩu của Ấn Độ sang Hoa Kỳ trong năm tài chính 2024 - một phần nhỏ trong tổng số 5,24 triệu tấn gạo basmati xuất khẩu toàn cầu của Ấn Độ. "Mức thuế này chỉ là một rào cản tạm thời, không phải là rào cản lâu dài. Với kế hoạch chiến lược, đa dạng hóa và linh hoạt, các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ có thể bảo vệ và thậm chí mở rộng sự hiện diện của mình trên thị trường Hoa Kỳ", Chủ tịch Liên đoàn Xuất khẩu Gạo Ấn Độ (IREF) cho biết. Ông nhấn mạnh khả năng cạnh tranh tương đối của Ấn Độ, lưu ý rằng ngay cả sau khi áp dụng mức thuế mới, gạo Ấn Độ vẫn có mức thuế thấp hơn so với gạo xuất khẩu từ Trung Quốc (34%), Việt Nam (46%) và Thái Lan (36%).

### Thái Lan

Giá gạo 5% tấm của Thái Lan hiện được báo giá khoảng 371 USD/tấn, giảm khoảng 8 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 13 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 197 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

### Miến Điện

Ngành lúa gạo Miến Điện đang chuyển đổi sang năng lượng sạch, với 28 nhà máy xay xát gạo trên khắp các vùng trọng điểm dự kiến áp dụng năng lượng mặt trời trong năm tài chính 2025-2026. Bốn nhà máy đã thực hiện chuyển đổi theo sáng kiến của Liên đoàn Lúa gạo Miến Điện (MRF), nhằm cải thiện chất lượng gạo, giảm lượng dầu diesel tiêu thụ tới 70% và cắt giảm chi phí. Được hỗ trợ bởi các Biên bản ghi nhớ (MoU) với 17 công ty năng lượng mặt trời Trung Quốc, động thái này ủng hộ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế, cho phép Miến Điện có được giá tốt hơn tại các thị trường xuất khẩu như

Trung Quốc và Châu Âu. Các chuyên gia tin rằng sự chuyển đổi này có thể nâng cao chuỗi giá trị gạo lên 10-20%, giảm nhập khẩu dầu, ổn định sản lượng và tăng cường an ninh lương thực.

### **Pakistan**

Giá gạo 5% tấm của Pakistan hiện được báo giá khoảng 369 USD/tấn, giảm khoảng 18 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 19 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 203 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

## **IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:**

<b>Ngoại tệ</b>	<b>28 – 07</b>	<b>29 – 07</b>	<b>30 – 07</b>	<b>31 – 07</b>	<b>01 – 08</b>
Trung Quốc (CNY/USD)	7.18	7.18	7.19	7.20	7.21
Châu Âu (EUR/USD)	0.86	0.87	0.87	0.87	0.87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16395.91	16389.19	16448.15	16510.64	16376.80
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.23	4.23	4.24	4.26	4.28
Philippines Peso (PHP/USD)	57.22	57.42	57.87	58.19	57.74
Hàn Quốc (KRW/USD)	1388.50	1391.00	1392.01	1396.35	1389.10
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	148.46	148.59	149.09	150.59	148.05
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	86.71	87.13	87.70	87.52	87.19
Miền Điện (MMK/USD)	2099.01	2098.90	2099.18	2098.47	2098.60
Pakistan Rupees (PKR/USD)	283.11	283.04	283.72	283.81	283.59
Thái Lan Baht (THB/USD)	32.48	32.41	32.68	32.76	32.52
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26188.20	26237.93	26224.31	26200.47	26231.26

## **B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**

### **I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**

#### **\* Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 04/08/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,829 triệu ha, diện tích thu hoạch được khoảng 742 ngàn ha, với năng suất 60,15 tạ/ha, sản lượng ước đạt 4,457 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 418 ngàn ha/700 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 59,7%.

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 36 ngàn ha/337 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 10,7%.

## **II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:**

Từ ngày 01/08 – 04/08/2025 có 9 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 74.450 tấn gạo các loại.

<b>STT</b>	<b>Tên tàu</b>	<b>Cảng xếp hàng</b>	<b>Ngày xếp</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thị trường Xuất khẩu</b>
1	Minh Anh 11	HCM	14/07/2025	4.000	Philippines
2	Lucky Star 6	HCM	19/07/2025	7.300	Philippines
3	Hòa Bình 09	HCM	22/07/2025	6.450	Philippines
4	Trường Minh Sea	HCM	22/07/2025	40.000	Châu Phi
5	Long Tân 19	HCM	25/07/2025	4.850	Philippines
6	Hồng Lĩnh 1	HCM	26/07/2025	12.000	Philippines
7	Quang Minh 18	HCM	26/07/2025	4.100	Philippines
8	Seagull 09	HCM	26/07/2025	4.800	Philippines
9	Thái Bình 38	HCM	27/07/2025	5.000	Philippines
10	HPC Harmony	HCM	28/07/2025	6.650	Philippines
11	Phúc Thuận 89	HCM	29/07/2025	4.800	Philippines
12	Hòa Bình 54	HCM	30/07/2025	4.000	Philippines
13	Minh Anh 08	HCM	30/07/2025	3.500	Malaysia
14	Sông Diễm Ocean	HCM	30/07/2025	4.850	Philippines
15	Hoàng Triều 69	HCM	31/07/2025	4.700	Philippines
16	Royal 88	HCM	31/07/2025	5.000	Philippines
17	Tân An Bonanza	HCM	01/08/2025	6.800	Philippines
18	Việt Hải Sun	HCM	01/08/2025	6.800	Philippines
19	TTC An Bình	HCM	02/08/2025	4.000	Philippines
20	Vinacomin Hạ Long	HCM	02/08/2025	7.400	Philippines
21	Phú An 369	HCM	03/08/2025	4.750	Philippines
22	Tân An Endeavor	HCM	03/08/2025	4.850	Philippines
23	VTV Sky	HCM	03/08/2025	6.000	Philippines
24	HPC Liberty	HCM	04/08/2025	29.000	Châu Phi
25	Long Tân 03	HCM	04/08/2025	4.850	Philippines
<b>Tổng</b>				<b>196.400</b>	

### III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	31/07	+/-	31/07	+/-	31/07	+/-	31/07	+/-	31/07	+/-	31/07	+/-	31/07	+/-		
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng</b>																
Hạt dài	6.550	+200	6.550	+250	6.550	+100	6.550	+350	6.550	+200	6.850	+400	6.850	+700	6.850	6.636
Lúa thường	5.650	+200	5.750	+50	5.750	+200	5.650	+200	5.650	-	5.750	+50	5.650	+400	5.750	5.693
<b>Lúa Khô/Uốt Tại Kho</b>																
Hạt dài	7.950	+200	8.000	+350	8.000	+100	7.900	+250	7.750	+200			8.550	+500	8.550	8.025
Lúa thường	7.750	+200	7.150	+50	7.150	+500	7.150	+50	6.850	-			7.050	+300	7.750	7.183
<b>Gạo Nguyên Liệu</b>																
Lứt loại 1	8.650	+400	9.850	+250	9.850	+200	9.750	+250	9.940	+340			10.250	+200	10.250	9.715
Lứt loại 2	8.550	+400	8.600	+250	8.600	+275	8.650	+350	8.650	+350	8.650	+300	8.550	+500	8.650	8.607
Xát trắng loại 1			11.250	+400	11.250		11.350	+700	11.250	+500	11.550	+100	11.550	+100	11.550	11.367
Xát trắng loại 2			9.400	+150	9.400		9.450	+350	9.350	+100	9.550	+300	9.550	+500	9.550	9.450
<b>Phụ Phẩm</b>																
Tấm 1/2	7.450	+100	7.750	+50	7.750	+250	7.700	+350	7.550	+100	7.750	+50	7.550	+100	7.750	7.643
Tấm 2/3			7.600	+100	7.600	+100			7.350	+100			7.050	+100	7.600	7.400
Tấm 3/4	7.050	-	7.450	+200	7.450	+275	7.100	+150							7.450	7.263
Cám xát	6.750	-300	7.300	-	7.300	+150	7.050	-250	7.100	-500	7.300	-300	6.950	-200	7.300	7.107
Cám lau	6.750	-300	7.250	-	7.250	+100	7.050	-	7.100	-500	7.250	-350	7.050	-200	7.250	7.100
<b>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</b>																
5%	10.100	+550	9.750	+50	9.750	+250	9.750	+200	9.800	-	10.400	+600	10.400	+850	10.400	9.993
10%			9.650	+50	9.650				9.600	-					9.650	9.633
15%	9.950	+600	9.550	+50	9.550	+250	9.550	+200	9.400	-	9.950	+450	9.850	+700	9.950	9.686
20%									9.100	-					9.100	9.100
25%	9.700	+550	8.950	+50	8.950	-150	9.000	+200	8.800	-	9.700	+550	9.450	+600	9.700	9.221

\*\*\*